

Số: /GP-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4143/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư mở rộng khu sản xuất dệt, may Delta tại xã Hoằng Đông và xã Hoằng Thái, huyện Hoằng Hoá của Công ty cổ phần dụng cụ thể thao DELTA; Quyết định số 4177/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư mở rộng khu sản xuất dệt, may Delta tại xã Hoằng Đông và xã Hoằng Thái, huyện Hoằng Hoá của Công ty cổ phần dụng cụ thể thao DELTA (nội dung điều chỉnh: tên dự án đầu tư thành Nhà máy may, giặt mài TCE JEANS; chủ đầu tư thành Công ty TNHH một thành viên TCE JEANS);

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 08/2024/CV-TCEJ ngày 02/12/2024 của Công ty TNHH một thành viên TCE JEANS về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy may, giặt mài TCE JEANS tại xã Hoằng Đông và xã Hoằng Thái, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1842/TTr-STNMT ngày 07 tháng 12 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH một thành viên TCE JEANS, địa chỉ tại: Tỉnh lộ 510, thôn 1 Lê Lợi, xã Hoằng Đông, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh

Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy may, giặt mài TCE JEANS tại xã Hoàng Đồng và xã Hoàng Thái, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung như sau:

### **1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy may, giặt mài TCE JEANS tại xã Hoàng Đồng và xã Hoàng Thái, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Hoàng Đồng và xã Hoàng Thái, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 2802628339, đăng ký lần đầu ngày 15/3/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 19/6/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

1.4. Mã số thuế: 2802628339

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: May các sản phẩm quần áo.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô cơ sở: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích Nhà máy: 90.250,9 m<sup>2</sup>.

- Công suất: May giặt mài 13,5 triệu sản phẩm/năm.

- Quy trình sản xuất: Nguyên liệu → Cắt, vắt sỏ, ép, mex, là → May → Hoàn thiện → Kiểm hàng → Tạo thời trang → Giặt → Phun thuốc tím KMnO<sub>4</sub> → Giặt → Làm nền → Sấy khô → Kiểm hàng sau giặt → Hoàn thành → Kiểm hàng → Đóng gói → Nhập kho → Xuất bán.

### **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH một thành viên TCE JEANS:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH một thành viên TCE JEANS có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.**

(từ ngày 15 tháng 12 năm 2024 đến ngày 15 tháng 12 năm 2034).

Giấy phép môi trường thành phần, bao gồm: Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 25/GXN-UBND ngày 15/01/2021 và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 190/GP-UBND ngày 21/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa hết hiệu lực, kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Hoàng Hoá và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH một thành viên TCE JEANS (để t/hiện);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Hoàng Hoá (để theo dõi);
- Lưu: VT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

## PHỤ LỤC 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên nhà máy (bao gồm nước thải từ bể tự hoại như nước từ bồn cầu, bồn tiểu; nước rửa tay chân,...) phát sinh tại xưởng A (may).

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên nhà máy (bao gồm nước thải từ bể tự hoại như nước từ bồn cầu, bồn tiểu; nước rửa tay chân,...) phát sinh tại xưởng B (may).

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên nhà máy (bao gồm nước thải từ bể tự hoại như nước từ bồn cầu, bồn tiểu; nước rửa tay chân,...) phát sinh tại xưởng C (may).

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên nhà máy (bao gồm nước thải từ bể tự hoại như nước từ bồn cầu, bồn tiểu; nước rửa tay chân,...) phát sinh tại xưởng D (giặt mài).

- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên nhà máy (bao gồm nước thải từ bể tự hoại như nước từ bồn cầu, bồn tiểu; nước rửa tay chân,...) và nước thải nấu ăn phát sinh tại Xưởng thêu + nhà ăn ca.

- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên nhà máy (bao gồm nước thải từ bể tự hoại như nước từ bồn cầu, bồn tiểu; nước rửa tay chân,...) phát sinh tại nhà để xe.

- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên nhà máy (bao gồm nước thải từ bể tự hoại như nước từ bồn cầu, bồn tiểu; nước rửa tay chân,...) phát sinh tại nhà nghỉ chuyên gia;

- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên nhà máy (bao gồm nước thải từ bể tự hoại như nước từ bồn cầu, bồn tiểu; nước rửa tay chân,...) và nước thải từ công đoạn giặt mẫu phát sinh tại Kho, giặt mài và văn phòng.

- Nguồn số 09: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên nhà máy (bao gồm nước thải từ bể tự hoại như nước từ bồn cầu, bồn tiểu; nước rửa tay chân,...) và nước thải phát sinh từ hoạt động xả cặn lò hơi, xả cặn bể xử lý khí thải lò hơi phát sinh tại nhà nồi hơi;

- Nguồn số 10: Nước thải phát sinh từ công đoạn giặt mài và nước thải từ hoạt động xử lý bụi khí thải khu vực phun xịt thuốc tím tại xưởng D (giặt mài);

- Nguồn số 11: Nước thải phát sinh từ công đoạn giặt mài tại xưởng bảo trì;
- Nguồn số 12: Nước thải phát sinh từ hoạt động xử lý bụi khí thải khu vực phun xịt thuốc tím tại nhà xưởng bảo trì;
- Nguồn số 13: Nước thải phát sinh từ hoạt động xử lý bụi khí thải khu vực phun xịt thuốc tím tại nhà kho xưởng.
- Nguồn số 14: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy ép bùn tại nhà đặt máy ép bùn.
- Nguồn số 15: Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa bồn lọc áp lực và nước thải hoạt động rửa hệ lọc UF của Hệ thống tái chế tái sử dụng nước thải công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Tổng khối lượng nước thải phát sinh tại nhà máy là 2.300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

## **2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh tiêu Thái Vinh, đoạn chảy qua thôn 1, xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá, sau đó chảy ra sông Goòng và sông Cung.

- 01 (một) dòng nước thải sau xử lý tại Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 2.900 m<sup>3</sup>/ngày đêm được dẫn về hệ thống quan trắc tự động, liên tục, sau đó xả nước thải ra kênh tiêu Thái Vinh qua đường ống uPVC D500-D800 tại xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

### 2.2. Vị trí xả thải:

2.2.1. Vị trí điểm đầu nối xả nước thải sau Trạm xử lý nước thải tập trung chảy ra kênh tiêu Thái Vinh (đoạn chảy qua thôn 1, xã Hoàng Đồng, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá) bằng phương thức tự chảy tại vị trí có toạ độ (*theo Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>*): X: 2194099 (m); Y: 588987 (m).

2.2.2. Điểm xả nước thải sau xử lý đã có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 2.300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (24 giờ).

### 2.3.1. Phương thức xả thải:

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A; K<sub>q</sub> = 0,9; K<sub>f</sub> = 1,0) và QCVN 13-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt may (cột A; K<sub>q</sub> = 0,9;

$K_f = 1,0$ ). Cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BT NMT (cột A, $K_q=0,9$ , $K_f=1,0$ )	QCVN 13-MT:2015/BT NMT (cột A $K_q=0,9$ , $K_f=1,0$ )	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	6-9	Không phải thực hiện	Thực hiện quan trắc nước thải tự động liên tục
2	Độ màu	mg/l	45,0	45,0		
3	COD	mg/l	67,5	90,0		
4	TSS	mg/l	45,0	45,0		
5	Amoni	mg/l	4,5	-		
6	Nhiệt độ	mg/l	40,0	40,0	03 tháng/lần	Không áp dụng
7	BOD <sub>5</sub>	mg/l	27,0	27,0		
8	Clo dư	mg/l	0,9	0,9		
9	Crom(VI)	mg/l	0,045	0,045		
10	CN	mg/l	0,063	0,063		
11	Tổng Nitơ	mg/l	18,0	-		
12	Tổng Photpho	mg/l	3,6	-		
13	Sunfua	mg/l	0,18	-		
14	Đồng	mg/l	1,8	-		
15	Crom(III)	mg/l	0,18	-		
16	Sắt	mg/l	0,9	-		
17	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	-	4,5		
18	Coliform	VK/100ml	3000	-		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ nguồn số 01, 02, 03, 04 và số 06: Nước thải phát sinh từ bồn tiêu, bồn cầu được xử lý qua bể tự hoại; Nước rửa tay, chân được xử lý qua hố ga lắng cặn. Tất cả các dòng trên được thu gom vào đường ống uPVC D250 - D600 → Trạm xử lý tập trung, công suất 2.900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 05: Nước thải từ bồn tiêu, bồn cầu được xử lý qua bể tự hoại; Nước thải từ quá trình rửa tay, chân được xử lý qua hố ga lắng cặn; Nước thải nấu ăn được xử lý qua bể tách dầu mỡ. Tất cả các dòng trên được thu gom vào đường ống uPVC D250 - D600 → Trạm xử lý tập trung, công suất 2.900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 07: Nước thải từ bồn tiêu, bồn cầu được xử lý qua bể tự hoại; Nước thải từ quá trình rửa tay, chân được xử lý qua hố ga lắng cặn. Tất cả các dòng trên được thu gom bằng đường ống uPVC D160, D250, D600 → Trạm xử lý tập trung, công suất 2.900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 08: Nước thải từ bồn tiêu, bồn cầu được xử lý qua bể tự hoại; Nước thải từ quá trình rửa tay, chân được xử lý qua hố ga lắng cặn; Nước thải từ công đoạn giặt mẫu. Tất cả các dòng trên được thu gom bằng đường ống uPVC D250, D600 → Trạm xử lý tập trung, công suất 2.900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 09: Nước thải từ bồn tiêu, bồn cầu được xử lý qua bể tự hoại; Nước thải từ quá trình rửa tay, chân được xử lý qua hố ga lắng cặn; Nước thải từ hoạt động xả cặn lò hơi; Nước thải từ hoạt động xả cặn bể xử lý khí thải lò hơi. Tất cả các dòng trên được thu gom bằng đường ống uPVC D600 → Trạm xử lý tập trung, công suất 2.900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 10 và số 11: Nước thải phát sinh từ công đoạn giặt mài; Nước thải từ hoạt động xử lý bụi khí thải khu vực phun xịt thuốc tím. Tất cả các dòng trên được thu gom bằng đường ống uPVC D250, D600, D800 → Trạm xử lý tập trung, công suất 2.900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 12 và số 13: Nước từ hoạt động xử lý bụi khí thải khu vực phun xịt thuốc tím được thu gom bằng đường ống uPVC D250, D600, D800 → Trạm XLNT tập trung công suất 2.900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải từ nguồn số 14 và số 15: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy ép bùn; Nước thải từ hoạt động rửa bồn lọc áp lực, Nước thải từ rửa hệ lọc UF của Hệ thống tái chế tái sử dụng nước thải công suất 1000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Tất cả các dòng trên được thu gom bằng đường ống uPVC D800 → Trạm XLNT tập trung công suất 2.900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung, công suất 2.900m<sup>3</sup>/ngày.đêm: Nước thải → Bể lắng sơ bộ - bể gom → Thiết bị tách rác thô → Bể tiếp nhận → Thiết bị tách rác tinh → Bể điều hoà → Bể keo tụ - tạo bông 1 → Bể lắng bùn hóa lý 1 → Bể Anoxic → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng bùn sinh học → Bể keo tụ tạo bông 2 → Bể lắng bùn hóa lý 2 → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Hệ thống xử lý nước tái chế - tái sử dụng/Kênh tiêu Thái Vinh → Sông Goòng và sông Cung.

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung: 2.900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: phèn nhôm PAC 30%, chất khử màu, Poly C, chất khử bọt, Chlorine, Đạm, Lân, Methanol, Na<sub>2</sub>S<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, Men (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A Phụ lục này).

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Thuộc đối tượng phải lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ (đã lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục và đã truyền số liệu về Sở tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát).

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung, trước khi chảy ra kênh tiêu Thái Vinh.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, COD, TSS, Độ màu, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi, giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa để theo dõi, giám sát.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Sử dụng 02 hồ sự cố có tổng dung tích 4.000 m<sup>3</sup> để lưu giữ nước thải trong thời gian khắc phục sự cố Trạm xử lý, khả năng chứa khoảng 48 giờ (02 ngày). Khi sự cố được khắc phục, nước sẽ được bơm ngược trở lại bể thu gom để xử lý lại đảm bảo quy chuẩn cho phép; trường hợp quá thời gian lưu 02 ngày mà chưa khắc phục được sự cố, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý nước thải theo quy định;

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường: Nhân viên vận hành trạm XLNT thực hiện ngay việc khoá van chặn T2 (*gần vị trí điểm xả thải*) đảm bảo không cho nước xả ra ngoài môi trường và dừng hệ thống lọc RO, sau đó mở van chặn T1 nhằm mục đích nước sau xử lý chưa đạt chảy từ bể khử trùng về hồ sự cố. Tiến hành kiểm tra, khắc phục và cải thiện hiệu quả vận hành của hệ thống xử lý nước thải. Sau khi khắc phục, nước thải được bơm về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp Trạm xử lý nước thải gặp sự cố không thể hoạt động được: Nhân viên vận hành trạm tắt bơm nước thải từ bể gom lên bể điều hoà của trạm XLNT, đồng thời thao tác đóng van chặn T2 (*gần vị trí điểm xả thải*) đảm bảo không có sự rò rỉ nước thải không đạt tiêu chuẩn ra ngoài môi trường và mở van chặn T1 (*đầu hồi hồ sự cố*) cho lượng nước thải chảy đến van chặn T1 vào hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong, nhân viên vận hành thao tác đóng van chặn T1, mở van chặn T2 để nước sau xử lý đạt chuẩn chảy về điểm đăng ký xả thải. Trong quá trình khắc phục, tuyệt đối không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường. Bơm hút bùn trong các bể xử lý nước thải, thuê đơn vị có chức năng đến hút đưa đi xử lý.



- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố lớn, thời gian sửa chữa kéo dài, nhà máy sẽ phải tạm dừng hoạt động để khắc phục; các bể xử lý, hồ sự cố không còn sức chứa, Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý như chất thải nguy hại.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Đối với nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép chảy ra nguồn tiếp nhận nước thải, Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không phải thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư theo đúng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng; bảo dưỡng máy và thay thế thiết bị cho hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và các công trình xử lý nước thải.

3.4. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Có quy trình kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.6. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và quy định Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường

và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.7. Nước thải xả vào công trình thủy lợi nếu có sự bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.8. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.9. Công ty TNHH một thành viên TCE JEANS chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

## PHỤ LỤC 2

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

#### 1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi 8 tấn/giờ số 1 tại nhà nồi hơi;
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi 8 tấn/giờ số 2 tại nhà nồi hơi;
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi 3 tấn/giờ tại nhà nồi hơi;
- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ khu vực phun xịt thuốc tím thủ công tại nhà xưởng bảo trì;
- Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ khu vực phun xịt thuốc tím thủ công tại nhà kho xưởng;
- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ khu vực phun xịt thuốc tím tự động tại xưởng D;
- Nguồn số 07: Bụi phát sinh từ công đoạn mài thủ công tại tầng 2 xưởng D;
- Nguồn số 08: Bụi phát sinh từ hoạt động của máy mài tại xưởng D;
- Nguồn số 09: Bụi phát sinh từ công đoạn sấy tại xưởng D;
- Nguồn số 10: Bụi phát sinh từ công đoạn sấy tại xưởng bảo trì;
- Nguồn số 11: Bụi phát sinh từ hoạt động của máy laser;
- Nguồn số 12: Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy Ozone.

#### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

##### 2.1. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả thải trong khuôn viên Nhà máy, thuộc địa phận hành chính xã Hoàng Đông và xã Hoàng Thái, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Toạ độ vị trí xả khí thải theo Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiều  $3^0$ , cụ thể:

+ Dòng khí thải số 01: được thu gom xử lý sau đó xả qua ống thải cao 25m ra môi trường). Toạ độ vị trí xả khí thải: X = 2194176 (m); Y=589063 (m).

+ Dòng khí thải số 02: được thu gom xử lý sau đó xả qua ống thải cao 25m ra môi trường). Toạ độ vị trí xả khí thải: X = 2194176 (m); Y= 589069 (m).

+ Dòng khí thải số 03: được thu gom xử lý sau đó xả qua ống thải cao 25m ra

môi trường). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2194141(m); Y=589070(m).

+ Dòng khí thải số 04: được thu gom xử lý sau đó xả qua ống thoát khí cao 3,2 m ra môi trường). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2194299 (m); Y=589187(m).

+ Dòng khí thải số 05: được thu gom xử lý sau đó xả qua ống thoát khí cao 3,2 m ra môi trường). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2194353(m); Y=589195(m).

+ Dòng khí thải số 06: được thu gom xử lý sau đó xả qua ống thoát khí cao 3,2 m ra môi trường). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2194330(m); Y=589164(m).

+ Dòng khí thải số 07: được thu gom xử lý sau đó xả qua ống thoát khí cao 3,0 m ra môi trường). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2194334 (m); Y=589168 (m).

+ Dòng khí thải số 08: được thu gom xử lý sau đó xả qua ống thoát khí cao 3,0 m ra môi trường). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2194349 (m); Y=589166 (m).

+ Dòng khí thải số 09: được thu gom xử lý sau đó xả qua ống thoát khí cao 3,0m ra môi trường). Tọa độ vị trí xả khí thải: X= 2194279(m); Y=589158 (m).

+ Dòng khí thải số 10: được thu gom xử lý sau đó xả qua ống thoát khí cao 3,0m ra môi trường). Tọa độ vị trí xả khí thải: X= 2194366(m); Y=589197(m).

+ Dòng khí thải số 11: được thu gom xử lý sau đó xả qua ống thoát khí dẫn ra môi trường). Tọa độ vị trí xả khí thải: X= 2194339(m); Y=589139(m).

+ Dòng khí thải số 12: được thu gom theo đường ống thoát khí dẫn ra môi trường). Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2194316(m); Y=589132(m).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Tổng lưu lượng xả khí thải tối đa là 122.620 m<sup>3</sup>/giờ; trong đó:

- Dòng khí thải số 1 lưu lượng xả khí thải tối đa là 18.000 m<sup>3</sup>/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút);

- Dòng khí thải số 2 lưu lượng xả khí thải tối đa là 18.000 m<sup>3</sup>/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút);

- Dòng khí thải số 3 lưu lượng xả khí thải tối đa là 12.000 m<sup>3</sup>/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút);

- Dòng khí thải số 4 lưu lượng xả khí thải tối đa là 5.800 m<sup>3</sup>/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút);

- Dòng khí thải số 5 lưu lượng xả khí thải tối đa là 5.800 m<sup>3</sup>/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút);

- Dòng khí thải số 6 lưu lượng xả khí thải tối đa là 8.000 m<sup>3</sup>/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút);

- Dòng khí thải số 7 lưu lượng xả khí thải tối đa là 9.000 m<sup>3</sup>/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút);

- Dòng khí thải số 8 lưu lượng xả khí thải tối đa là 31.000 m<sup>3</sup>/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút);

- Dòng khí thải số 9 lưu lượng xả khí thải tối đa là 2.060 m<sup>3</sup>/giờ (theo thông

số mô-tơ tạo lực hút);

- Dòng khí thải số 10 lưu lượng xả khí thải tối đa là 1.680 m<sup>3</sup>/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút);

- Dòng khí thải số 11 lưu lượng xả khí thải tối đa là 3.400 m<sup>3</sup>/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút);

- Dòng khí thải số 12 lưu lượng xả khí thải tối đa là 7.880 m<sup>3</sup>/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút);

### 2.3. Phương thức xả thải:

- Dòng khí thải số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 09, 10 và số 12: xả liên tục 24 giờ/ngày (hoạt động 3 ca);

- Dòng khí thải số 07, 08 và số 11: xả liên tục 16 giờ/ngày (hoạt động 2 ca).

2.4. Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả ra môi trường của các dòng khí thải phải đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, kp = 0,8; kv = 1,2), cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
<b>I</b>	<b>Đối với các nguồn số 01, số 02 và số 03</b>				
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	192	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	816		
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	480		
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	960		
<b>II</b>	<b>Đối với các nguồn số 04, số 05 và số 06</b>				
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	192	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
<b>III</b>	<b>Đối với các nguồn số 07 đến số 12</b>				
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	192	-	Không thuộc đối tượng

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

### 1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01 và 02: được thu gom vào đường ống dẫn khí Ø500mm → Xyclon thu bụi khô → Quạt hút → Tháp venturi (bơm nước phun trực tiếp từ trên tháp xuống để dập bụi) → Bể nước hấp thụ (chung cho cả 2 lò) → Ống thải Ø900mm, cao 25 m → Môi trường;

- Nguồn số 03: được thu gom vào đường ống dẫn khí Ø500mm → hệ thống Xyclon thu bụi khô → Quạt hút → Bể lắng bụi → Tháp hấp thụ đứng → Ống thải Ø900mm, cao 25 m → Môi trường;

- Nguồn số 04, số 05 và số 06: Bụi phát sinh → Tháp nước chảy liên tục → Quạt hút → đường ống thu gom Ø500 → Bể hấp thụ bằng nước → đường ống thoát khí Ø600 cao 3,2 m → Môi trường;

- Nguồn số 07: Bụi phát sinh → Quạt hút → đường ống thu gom Ø400 → máy lọc bụi CPF → đường ống thoát khí Ø400 cao 3m → Môi trường;

- Nguồn số 08: Bụi phát sinh → Quạt hút → đường ống thu gom Ø400 → Thiết bị lọc bụi/túi lọc bụi → Đường ống thoát khí Ø500 cao 3m → Môi trường

- Nguồn số 09 và số 10: được thu gom vào đường ống dẫn khí Ø450mm → Túi lọc bụi → Quạt hút → Ống thoát khí Ø450mm, cao 6 m → Môi trường;

- Nguồn số 11: Bụi phát sinh từ máy laser → Bộ lọc bụi → Quạt hút → đường ống thoát khí Ø1200 → Môi trường;

- Nguồn số 12: Khí thải từ máy Ozone → Chụp hút → Đường ống thoát khí Ø500mm → Môi trường;

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:**

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi 8 tấn/giờ số 1 và số 2 → Hệ thống ống dẫn bụi, khí thải → Xyclon thu bụi khô → Quạt hút → Tháp venturi (bom nước phun trực tiếp từ trên tháp xuống để dập bụi) → Bể nước hấp thụ (chung cho cả 2 lò) → Ống thải Ø900mm, cao 25 m → Môi trường;

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi 3 tấn/giờ → Hệ thống ống dẫn bụi, khí thải → Hệ thống Xyclon thu bụi khô → Quạt hút → Bể lắng bụi → Tháp hấp thụ đứng → Ống thải Ø900mm, cao 25 m → Môi trường;

- Bụi phát sinh từ khu vực phun xịt thuốc tím thủ công và khu vực phun xịt thuốc tím tự động → Tháp nước chảy liên tục → Quạt hút → đường ống thu gom Ø500 → Bể hấp thụ bằng nước → đường ống thoát khí Ø600 cao 3,2 m → Môi trường;

- Bụi phát sinh từ công đoạn mài thủ công → Quạt hút → Hệ thống ống dẫn bụi → máy lọc bụi CPF → đường ống thoát khí Ø400 cao 3m → Môi trường;

- Bụi phát sinh từ hoạt động của máy mài → Quạt hút → Hệ thống ống dẫn bụi → Thiết bị lọc bụi/túi lọc bụi → Đường ống thoát khí Ø500 cao 3m → Môi trường;

- Bụi phát sinh từ công đoạn sấy → Hệ thống ống dẫn bụi → Túi lọc bụi → Quạt hút → Ống thoát khí Ø450mm, cao 6 m → Môi trường;

- Bụi phát sinh từ hoạt động của máy laser → Bộ lọc bụi → Quạt hút → đường ống thoát khí Ø1200 → Môi trường;

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy Ozone → Chụp hút → Đường ống thoát khí Ø500mm → Môi trường;

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: dung dịch NaOH, dung dịch nước vôi trong, nước sạch (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4 phần

A của Phụ lục này).

### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải của nhà máy, nếu có dấu hiệu hỏng hóc thì tiến hành sửa chữa, thay thế đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Định kỳ duy tu, bảo dưỡng thiết bị của hệ thống thu gom, xử lý khí thải đúng theo yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất; đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Không phải thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Xả khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất thải ô nhiễm tại Mục 2.4. phần A của Phụ lục này.

3.2. Định kỳ hàng năm, thực hiện duy tu, bảo dưỡng thiết bị xử lý bụi, khí thải và máy phát điện dự phòng theo quy định của nhà sản xuất.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

### PHỤ LỤC 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng, tại Xưởng bảo trì, Trạm điện, phòng nén khí;
- Nguồn số 02: Khu vực máy phát điện dự phòng tại nhà trạm điện;
- Nguồn số 03: Máy bơm, máy thổi khí và động cơ Trạm xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 04: Từ hoạt động của máy nén khí tại nhà trạm điện;
- Nguồn số 05: Tiếng ồn từ quạt hút của lò hơi 8 tấn/giờ số 1 tại nhà nồi hơi;
- Nguồn số 06: Tiếng ồn từ quạt hút của lò hơi 8 tấn/giờ số 2 tại nhà nồi hơi;
- Nguồn số 07: Tiếng ồn từ quạt hút của lò hơi 3 tấn/giờ tại nhà nồi hơi;
- Nguồn số 08: Tiếng ồn từ quạt hút tại buồng phun thuốc tím thủ công tại nhà xưởng bảo trì;
- Nguồn số 09: Tiếng ồn từ quạt hút tại buồng phun thuốc tím thủ công tại nhà kho xưởng;
- Nguồn số 10: Tiếng ồn từ quạt hút tại buồng phun thuốc tím tự động tại xưởng D;
- Nguồn số 11: Tiếng ồn từ hoạt động của máy sấy tại xưởng D;
- Nguồn số 12: Tiếng ồn từ hoạt động của máy sấy tại xưởng bảo trì;
- Nguồn số 13: Tiếng ồn từ hoạt động của máy giặt tại xưởng D ;
- Nguồn số 14: Tiếng ồn từ hoạt động của máy mài;
- Nguồn số 15: Từ hoạt động của máy ép bùn tại nhà đặt máy ép bùn.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Vị trí xả thải trong khuôn viên Nhà máy thuộc địa phận hành chính xã Hoàng Đông và xã Hoàng Thái, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến  $105^0$ , múi chiếu  $3^0$ , cụ thể:

- Tọa độ vị trí tại nguồn số 01: X: 2194243 (m); Y: 589174 (m);
- Tọa độ vị trí tại nguồn số 02: X: 2194265 (m); Y: 589053 (m);
- Tọa độ vị trí tại nguồn số 03: X: 2194176 (m); Y: 589128 (m)
- Tọa độ vị trí tại nguồn số 04: X: 2194275 (m); Y: 589054 (m);



- Toạ độ vị trí tại nguồn số 05: X: 2194183 (m); Y: 589052 (m);
- Toạ độ vị trí tại nguồn số 06: X: 2194182 (m); Y: 589074 (m);
- Toạ độ vị trí tại nguồn số 07: X: 2194132(m); Y: 589067 (m);
- Toạ độ vị trí tại nguồn số 08: X: 2194299 (m); Y: 589187(m);
- Toạ độ vị trí tại nguồn số 09: X: 2194353(m); Y: 589195(m);
- Toạ độ vị trí tại nguồn số 10: X: 2194330(m); Y: 589164(m);
- Toạ độ vị trí tại nguồn số 11: X: 2194279(m); Y: 589158 (m);
- Toạ độ vị trí tại nguồn số 12: X: 2194366(m); Y: 589197(m);
- Toạ độ vị trí tại nguồn số 13: X: 2194262(m); Y: 589133 (m);
- Toạ độ vị trí tại nguồn số 14: X: 2194349 (m); Y: 589166 (m);
- Toạ độ vị trí tại nguồn số 15: X: 2194142(m); Y: 589141 (m).

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ hệ thống thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải, máy phát điện. Đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Kê đệm cao su tại các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu mỡ bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động phù hợp với từng vị trí làm việc như: Găng tay, quần áo bảo hộ, kính bảo hộ, nút tai chống ồn.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

**PHỤ LỤC 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã (CTNH)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh thải	Rắn	636	16 01 06
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	2.040	18 02 01
3	Mực in (loại có các thành phần nguy hại) thải	Rắn/lỏng	60	08 02 01
4	Các loại pin, ắc quy khác	Rắn	72	19 06 05
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử hoặc thiết bị, bộ phận có linh kiện điện tử khác với các loại trên (trừ bản mạch đã loại bỏ các linh kiện là CTNH).	Rắn	72	15 02 14
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải.	Rắn	6.600	18 01 01
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải.	Rắn	65.118	18 01 03
8	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải.	Rắn	1.120	18 01 02
9	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác (Dầu cách điện).	Lỏng	420	17 03 05
10	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.	Lỏng	720	17 02 03
11	Bùn thải từ hệ thống nước thải có thành phần nguy hại	Bùn	3.955.000	10 02 03
12	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (đá mài, giấy ráp...)	Rắn	300	07 03 10
13	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) (rác y tế)	Rắn	240	13 01 01
	<b>Tổng</b>		<b>4.032.398</b>	

## 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy vụn thải	Rắn	85.755
2	Nilong thải bỏ	Rắn	18.240
3	Vải vụn, vải khúc nhỏ	Rắn	1.133.323
4	Lõi chỉ	Rắn	14.980
5	Bìa carton hỏng thải bỏ	Rắn	95.138
6	Sắt vụn (bộ phận cơ khí)	Rắn	22.318
7	Nhựa tạp chất	Rắn	12.000
8	Rác xử lý tổng hợp	Rắn	225.840
9	Tro xỉ từ lò đốt	Rắn	290.200
10	Bùn cặn từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi	Bùn	65
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.897.860</b>

## 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	897,8

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa cứng, thùng phuy dung tích 150 lít/thùng; có nắp đậy kín và dán nhãn mã số CTNH.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: 02 kho chứa CTNH, diện tích kho số 1:  $S_1=48\text{ m}^2$  và diện tích kho số 2:  $S_2=56\text{ m}^2$ .

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa có mái che, nền chống thấm, có biển cảnh báo. Kho có hệ thống thu gom nước mưa trên mái để thoát ra rãnh thu gom nước mưa trên mái để thoát ra rãnh thu gom nước mưa trên sân đường nội bộ, không xâm nhập vào khu vực bên trong kho chứa.

Bên trong kho chia thành các ô chứa từng loại thành chất thải riêng biệt, cách ngăn bằng các gờ cao khoảng 0,3m; trong mỗi ô bố trí các thùng chứa đối với từng loại chất thải, có dán nhãn tên, biển cảnh báo và mã nhãn, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

- Đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải được sau khi qua máy ép bùn được thu gom và lưu chứa vào thùng xe chuyên dụng, lưu chứa tại nhà ép bùn có diện tích khoảng  $109,8\text{ m}^2$ .

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng đựng rác có dung tích 20-30 lít và 120 lít đặt tại xưởng sản xuất chứa chất thải không tái chế được;

- Các thùng đựng rác có dung tích 40 lít/thùng đặt tại các lối đi khu vực xung quanh nhà xưởng.

- Bao bì mềm PE, PP hai lớp để ngăn riêng trong khu vực lưu giữ.

### 2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

+ Kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích khoảng 140m<sup>2</sup>;

+ Kho chứa chất thải tái chế có diện tích khoảng 115m<sup>2</sup>;

+ Khu vực lưu chứa tro xỉ riêng trong nhà lò hơi có diện tích khoảng 333,5 m<sup>2</sup>;

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa có tường bao, có mái che, nền xi măng chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

## **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng composite dung tích 10-20 lit/thùng đặt tại khu vực văn phòng, nhà vệ sinh;

- Các thùng composite dung tích 60 lit/thùng đặt tại khu vực nhà bếp;

- Thùng composite dung tích 120 lit/thùng đặt tại khu vực sân đường nội bộ;

Thùng nhựa được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

### 2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu tập kết chứa chất thải rắn sinh hoạt của nhà máy có diện tích 8,0 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo: Tại khu vực tập kết CTR sinh hoạt bố trí 5 xe đẩy rác bằng tay có dung tích 0,5m<sup>3</sup>/xe đẩy có nắp đậy, chân có bánh xe để thu gom, lưu giữ chất thải chờ đơn vị chức năng tới thu gom, xử lý theo quy định

## **2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

## PHỤ LỤC 5

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024  
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Công ty TNHH một thành viên TCE JEANS đã cơ bản hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường cho Nhà máy may, giặt mài TCE JEANS tại xã Hoàng Đông và xã Hoàng Thái, huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hóa theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá phê duyệt tại Quyết định số 4143/QĐ-UBND ngày 23/10/2018.

2. Đối với hạng mục công trình nhà xưởng 02 tầng, có diện tích 4.118,0 m<sup>2</sup> chưa xây dựng, đề nghị Công ty TNHH một thành viên TCE JEANS tiếp tục thực hiện, trong quá trình thực hiện thi công xây dựng phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với các chất thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, cụ thể như sau:

- Thực hiện che chắn và hạn chế vật liệu xây dựng rơi vãi trên công trường.
- Lắp dựng các hàng rào bằng tôn cao tối thiểu 2 m bao quanh khu vực đang thi công.
- Quét dọn, thu gom vật liệu, đất rơi vãi với tần suất 01 lần/ngày.
- Nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân được sử dụng chung nhà vệ sinh hiện có của cơ sở, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý;
- Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh hàng ngày phải được thu gom về khu vực lưu giữ tạm thời, sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.
- Đối với sắt, thép thừa, bao bì xi măng... thu gom tập trung về khu vực lán trại công nhân để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu.
- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công.

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án.
- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dừng còi trong phạm vi nhà máy
- Các xe vận chuyển nguyên liệu cho dự án không vận chuyển quá tải tránh ảnh hưởng đến tuyến đường; Che chắn xung quanh khu vực công trường.
- Tổ chức vệ sinh hệ thống cống rãnh, không để bùn đất, rác thải vào cống thoát nước chung khu vực.
- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.
- Sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn. Trang bị 2 bình bột cứu hỏa loại 4kg tại khu vực lán trại tạm trên công trường để phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ khi thi công.
- Sự cố lún, nứt, hư hỏng công trình: Chủ dự án khảo sát, kiểm tra các công trình có nguy cơ ảnh hưởng bởi dự án trước khi thi công. Có biện pháp thi công, vận chuyển phù hợp với hiện trạng các công trình.
- Sự cố ngộ độc thực phẩm: Lựa chọn và sử dụng các thực phẩm đảm bảo chất lượng, chế biến đúng cách. Không sử dụng thực phẩm để lâu, hư hỏng để phòng ngừa ngộ độc thực phẩm.
- Sự cố ngập úng khu vực xung quanh: Thi công đúng tiến độ, đúng thiết kế xây dựng. Tránh làm rơi vãi các loại chất thải xuống hệ thống thoát nước làm tắc đường ống thoát nước của khu vực thực hiện dự án và khu vực xung quanh dự án.
- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân và lập quy tắc an toàn lao động
- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân và lập quy tắc an toàn lao động. Sử dụng lưới bảo hộ để phòng tránh tai nạn lao động và bụi trong hoạt động xây dựng tại các tầng cao.
- Thực hiện nghiêm các quy định phòng dịch khi có bệnh dịch phát sinh, phối hợp với chính quyền địa phương, các đơn vị chức năng trong công tác phòng chống dịch bệnh.
- Đối với hạ tầng kỹ thuật cấp điện: Xây dựng hoàn thiện hạ tầng cấp điện bao gồm đường dây, trạm biến áp theo đúng thiết kế. Lắp đặt đầy đủ thiết bị chống sét, nối đất,... cho trạm biến áp. Sử dụng đường dây đảm bảo chất lượng theo đúng thiết kế được phê duyệt. Điện Lực Thanh Hóa quản lý hạ tầng kỹ thuật điện trong suốt thời gian vận hành dự án.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải



nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B;  $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,0$ ) và QCVN 13-MT:2015/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt may (cột A;  $K_q=0,9$ ;  $K_f=1,0$ ). Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

4. Kiểm soát các thông số ô nhiễm bụi, khí thải sau ống thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B,  $k_p = 0,8$ ;  $k_v = 1,2$ ).

5. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

6. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

8. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

9. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp

luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.

11. Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình của phần diện tích còn lại, Công ty TNHH một thành viên TCE JEANS có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, cấp Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.